TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HSST
Ngày: 28-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ TỈNH LAI CHÂU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lò Văn Chiên.
2. Bà: Đào Thị Hòa.

- Thư ký phiên toà: Ông: Thiều Quang Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà*:** Ông: Đồng Xuân Tím- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2017/HSST, ngày 15 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/HSST ngày 15 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Phàn A V, tên gọi khác: không; sinh năm: 1997; tại huyện P, tỉnh L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản S, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phàn Chỉn C, sinh năm 1962 và bà Lù Tả M, sinh năm 1966, gia đình có 03 chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con. tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/10/2017, chuyển tạm giam ngày 22/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Phong Thổ; bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên toà.

2. Vàng Văn P, tên gọi khác: không; kinh năm: 1983; tại huyện T, tỉnh L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Văn C1 (đã chết) và bà Đèo Thị P1 sinh năm 1945, gia đình có 03 anh, chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; bị cáo có vợ là Hoàng Thị N, sinh năm 1984 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền sự: 01, theo quyết định xử phạt hành chính số 60/QĐ-XPHC ngày 17/08/2017; tiền án: không.

Nhân thân: theo bản án số 07/2009/HSST của Tòa án nhân dân thị xã Lai Châu xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù

tính từ ngày 29/06/2009, bị cáo đã chấp hành xong ngày 29/07/2014 (đã được xóa án tích theo Nghị quyết 41/2017 ngày 20/6/2017).

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/10/2017, chuyển tạm giam ngày 22/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Phong Thổ. Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Anh: Bùi Văn M1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh: Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh L. (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 17/10/2017, Phàn A V, sinh năm 1997, trú tại bản S, xã B, huyện P, tỉnh L đi xuống khu vực bản H, xã B, huyện P chơi thì gặp Vàng Văn P, sinh năm 1983, trú tại bản T, xã T, huyện T, tỉnh L, cả hai cùng nhau đi chơi. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày V rủ P đi xe máy Hoda Wave α BKS 24K5-5307 của P xuống chợ Mường So chơi. Khi đến chợ Mường So, khu vực gần cầu Mường So, V và P nhìn thấy cửa hàng tạp hóa của gia đình anh Bùi Văn M1, sinh năm 1970, trú tại thôn T, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đang mở cửa, trong quán có một bao nilon màu trắng đựng thuốc lào nên nảy sinh ý định chiếm đoạt bao thuốc lào. Phàn A V rủ P chiếm đoạt bao thuốc lào đó và P đồng ý. Do lúc đó còn sớm cả hai sợ bị phát hiện nên rủ nhau đi xuống bãi cát khu vực bản Đ chờ khi mọi người đi ngủ thì hành động. Khoảng 01 giờ 00 phút này 18/10/2017, V và P quay xe lại quán tạp hóa, quan sát thấy các nhà đã đi ngủ hết cả hai để xe máy ở đầu cầu rồi đi bộ đến quán, thấy quán không đóng cửa (loại cửa xếp kéo ngang) V dùng tay kéo cửa rồi đi vào bên trong quán kéo ra ngoài một bao thuốc lào (loại bao nilon màu trắng) nhưng không nhấc được bao thuốc lào lên vai, thì P đã giúp V nhấc bao thuốc lào lên vai V và V vác ra ngoài xe máy để lên yên xe. P đi sau kéo khép cửa lại. Sau đó V điều kiển xe máy trở P ngồi sau ôm bao thuốc lào đi về xã B cất giấu bao thuốc lào. Khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, V và P lấy ba bao túi nilon màu xanh nhỏ chia bao thuốc lào bớt ra ba túi cất giấu mục đích tìm nơi tiêu thụ. Sau khi chia xong P đem bao nilon màu trắng đến bán cho ông Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1968, trú tại bản H, xã B, huyện P, tỉnh L cân được 26kg được thành tiền 1.950.000đ (*Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*), P chia cho V 700.000đ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày khi P và V đang mang ba túi nilon màu xanh đựng thuốc lào tìm nơi tiêu thụ thì bị cơ quan Công an bắt giữ cùng tang vật và thu giữ số thuốc lào bán cho ông Vũ Ngọc Đ. Số tiền các bị cáo đã chi tiêu hết cho bản thân hiện còn 250.000đ do bị cáo V tự nguyện giao nộp; ngoài ra Cơ quan điều tra còn tạm giữ một chiếc xe máy của bị cáo P.

Bản kết luận định giá tài sản số: 146/HĐĐGTS, ngày 20/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phong Thổ kết luận: Số thuốc lào trên có giá trị là **8.250.000đ** (*Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Quá trình

điều tra Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả toàn bộ số thuốc lào trên cho ông Bùi Văn M1- người bị hại.

Quá trình điều tra, truy tố tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu là hoàn toàn đúng.

Bản cáo trạng số: 07/KSĐT – SH, ngày 15/12/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Phàn A V, Vàng Văn P về tội "***Trộm cắp tài sản***" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giữ quyền công tố tại phiên tòa, luận tội, căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên tòa khẳng định quyết định truy tố là đúng cần giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phàn A V từ 09 tháng đến 12 tháng tù;

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Vàng Văn P từ 09 tháng đến 12 tháng tù; không áp dụng các hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, đồng thời xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, luận tội, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu truy tố, kết tội về tội danh, điều luật, mức án; các bị cáo không có ý kiến tranh luận; các bị cáo ăn năn hối cải và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt, Kiểm sát viên, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác đều đề nghị xét xử vắng mặt. Xét việc những người này vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập khách quan, đúng pháp luật về thời gian, không gian, địa điểm phạm tội, loại tài sản các bị cáo chiếm đoạt đủ kết luận: Khoảng 01 giờ, ngày 18/10/2017, các bị cáo Phàn A V, Vàng Văn P, lợi dụng đêm tối mọi người đi ngủ, cửa không khóa các bị cáo đã lẻn vào quán tạp hóa

của anh Bùi Văn M1 thuộc thôn T, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu chiếm đoạt được một bao thuốc lào có trọng lượng 27,5kg (*Hai mươi bảy phẩy năm kilogam*) có trị giá thành tiền là: **8.250.000đ** *(Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* đem bán lấy tiền tiêu sài; các bị cáo đã bán được 24kg được số tiền **1.950.000đ** (*Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)* rồi tiêu sài cho bản thân chỉ còn 250.000đ *(Hai trăm năm mươi nghìn đồng)*, số thuốc lào còn lại 04kg các bị cáo đang chuẩn bị tiêu thụ tiếp thì bị bắt quả tang.

Hành vi lợi dụng điều kiện, hoàn cảnh đêm khuya, không có người quản lý tài sản bằng hành vi lén lút các bị cáo Phàn A V, Vàng Văn P đã chiếm đoạt được số tài sản trên là hành vi trộm cắp tài sản đã hoàn thành. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Như vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản",* theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, cụ thể Điều luật quy định *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".*

[2] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Phàn A V phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội khó khăn lại không được đi học nên hạn chế về nhận thức là tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Còn bị cáo Vàng Văn P có bố là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng hai đối chiếu quy định có lợi cho bị cáo theo Nghị quyết 41/2017/QH14 bị cáo P được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; Nhưng xét bị cáo đã từng bị kết án mặc dù đã được xóa án tích; hơn nữa bị cáo P còn có một tiền sự chính về hành vi trộm cắp tài sản, chứng tỏ ý thức coi thường pháp luật, hình phạt trước chưa đủ giáo dục, răn đe đối với bị cáo P. Vì vậy mặc dù bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội khó khăn nhưng Hội đồng xét xử không áp dụng cho bị cáo P. Bị cáo V có hai tình tiết ở Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng Hội đồng xét xử không áp dụng mức án dưới khung cho V vì bị cáo là chủ mưu, khởi xướng.

Từ những căn cứ trên, xét tính chất hành vi phạm tội, nguyên nhân các bị cáo phạm tội do ý thức lười lao động, coi thường tài sản của người khác, coi thường pháp luật, cùng nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo cũng như nhằm răn đe, phòng ngừa chung theo Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Bên cạnh đó cần xem xét đây là vụ án đồng phạm giảm đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ, khi bị cáo Phàn A V khởi xướng thì bị cáo Vàng Văn P đồng thuận ngay; cả hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Vảng lẽ ra chịu mức hình phạt cao hơn nhưng bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ ở Điều 46 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, phân hóa vai trò, trách nhiệm, đối trừ các tình tiết giảm nhẹ đối với hai bị cáo vậy mức hình phạt đối với hai bị cáo là ngang nhau là phù hợp với Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân các bị cáo đều làm ruộng không có thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận được đầy đủ tài sản bị mất nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường; còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mua tài sản của các bị cáo nhưng không biết là tài sản do trộm cắp mà có, nay đã trả lại tài sản và bị thiệt hại về tiền nên được pháp luật bảo vệ, nhưng lại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, vậy hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Số thuốc lào các bị cáo trộm cắp đã trả lại cho người bị hại là phù hợp nên hội đồng xét xử không xem xét, đối với số tiền các bị cáo có được do bán tài sản trộm cắp mà có nhưng các bị cáo đã tiêu sài hết cho bản thân chỉ còn 250.000đ *(Hai trăm năm mươi nghìn đồng)* cần tịch để sung công quỹ nước, miễm truy thu số tiền còn thiếu cho các bị cáo vì hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn.

Đối với chiếc xe máy Hoda Wave α BKS 24K5-5307 của bị cáo Vàng Văn P, xét đây là tài sản chung trong gia đình, là phương tiện đi lại duy nhất trong gia đình, hơn nữa khi bị cáo dùng vào việc phạm tội vợ bị cáo không biết nên Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy cho bị cáo P khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(*Số vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ và có đặc điểm như biên bản giao nhận tang tài vật ngày 18/12/2017 giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ*).

Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo **Phàn A V, Vàng Văn P** phạm tội " *Trộm cắp tài sản*".

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phàn A V 12 (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 19/10/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Vàng Văn P 12 (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 19/10/2017).

3/ Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu 250.000đ (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung quỹ nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Vàng Văn P một chiếc xe máy nhãn hiệu Hoda Wave α, màu xanh, BKS: 24K5-5307, số khung: KPCG 012CK- 096301, số máy: A 0000963101 xe đã qua sử dụng.

(Số tiền, chiếc xe máy trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/12/2017 giữa Công an huyện Phong Thổ và Chi cục Thi hành án huyện Phong Thổ)

4/Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, buộc mỗi bị cáo Phàn A V, Vàng Văn P phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi họ cư trú./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- CA huyện Phong Thổ(Nhà tạm giữ, đội điều tra);
- Bị cáo;
- Người bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- THADS huyện phong Thổ;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu
-Lưu: THA-HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà